

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHUYÊN KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	8.8	9.0	8.9		9.5		9.3	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	7.5	8.0	7.8		9.0		8.5	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	9.5	9.0	9.2		7.2		8.0	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	5.0		1.7	TBKT			0.7	Học lại
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	9.5	9.0	9.2		8.8		8.9	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	10.0	8.5	9.0		9.2		9.1	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	8.8	8.0	8.3		9.8		9.2	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	7.5	8.5	8.2		8.8		8.5	Đạt
10	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	8.3	8.5	8.4		8.7		8.6	Đạt
11	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	9.5	9.0	9.2		9.0		9.1	Đạt
12	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	10.0	9.0	9.3		9.3		9.3	Đạt
13	2213240178	Đồng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	8.3	9.0	8.8		8.0		8.3	Đạt
14	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	9.5	8.0	8.5		9.5		9.1	Đạt
15	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	6.5	9.0	8.2		7.8		7.9	Đạt
16	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	5.5	9.0	7.8		9.0		8.5	Đạt
17	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	8.8	7.5	7.9		7.8		7.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1	
							4.0		6.0	6.0		
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	8.5	9.0	8.8		8.2		8.5	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		8.4		8.6	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	8.5	8.0	8.2		7.2		7.6	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	8.5	8.0	8.2		8.8		8.5	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	8.5	9.0	8.8		9.6		9.3	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		8.8		8.6	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	8.5	8.0	8.2		8.6		8.4	Đạt
11	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt
12	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	8.5	8.0	8.2		9.0		8.7	Đạt
13	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	8.5	9.0	8.8		9.2		9.1	Đạt
14	2213240178	Đổng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		9.4		9.0	Đạt
15	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		9.6		9.4	Đạt
16	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	8.5	8.0	8.2		7.8		7.9	Đạt
17	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
18	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	8.5	8.0	8.2		8.4		8.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	8.0	7.5	7.7		5.0		6.1	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	9.0	8.5	8.7		5.8		6.9	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	9.0	8.0	8.3		5.3		6.5	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	8.0	7.5	7.7		5.2		6.2	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	8.5	8.5	8.5		5.5		6.7	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	9.0	9.0	9.0		6.2		7.3	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	8.0	7.5	7.7		5.5		6.4	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		3.7		5.6	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	7.5	6.5	6.8		6.0		6.3	Đạt
10	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	8.5	8.0	8.2		5.0		6.3	Đạt
11	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		7.2		7.9	Đạt
12	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		5.8		6.8	Đạt
13	2213240178	Đồng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		4.7		6.2	Đạt
14	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
15	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	8.5	8.0	8.2		4.8		6.1	Đạt
16	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	8.0	7.5	7.7		4.2		5.6	Đạt
17	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	8.0	8.0	8.0		5.8		6.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	7.0	10.0	9.0		6.8		7.7	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	9.0	8.3	8.5		6.2		7.1	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	10.0	10.0	10.0		7.2		8.3	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	7.0	10.0	9.0		5.0		6.6	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	8.0	10.0	9.3		6.6		7.7	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	9.0	10.0	9.7		6.2		7.6	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	9.0	10.0	9.7		5.6		7.2	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	9.0	7.5	8.0		5.8		6.7	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		5.6		7.0	Đạt
10	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	9.0	10.0	9.7		7.6		8.4	Đạt
11	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	9.0	10.0	9.7		6.4		7.7	Đạt
12	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	8.0	10.0	9.3		7.6		8.3	Đạt
13	2213240178	Đông Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	8.0	10.0	9.3		6.4		7.6	Đạt
14	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	10.0	10.0	10.0		6.6		8.0	Đạt
15	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	8.0	10.0	9.3		4.8		6.6	Đạt
16	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	6.0	10.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
17	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	8.0	7.5	7.7		6.8		7.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	7.3	7.5	7.4		5.8		6.4	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	9.0	8.3	8.5		5.3		6.6	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	8.5	7.8	8.0		6.3		7.0	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	8.0	8.3	8.2		4.2		5.8	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	8.3	8.3	8.3		6.8		7.4	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	8.5	7.8	8.0		6.5		7.1	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	8.0	7.8	7.8		5.5		6.4	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		5.8		6.8	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	7.0	7.8	7.5		6.0		6.6	Đạt
10	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	8.8	8.3	8.4		5.8		6.8	Đạt
11	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		6.7		7.4	Đạt
12	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	8.3	7.8	7.9		5.0		6.2	Đạt
13	2213240178	Đổng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	9.0	8.5	8.7		6.3		7.2	Đạt
14	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		5.8		6.8	Đạt
15	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	8.0	8.5	8.3		7.7		8.0	Đạt
16	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	7.8	8.5	8.3		6.3		7.1	Đạt
17	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	8.0	7.8	7.8		5.8		6.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH LÃO KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc	Ánh	28/12/2001	02DD14D1	8.0	9.0	8.7		6.5		7.4	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc	Châu	11/12/1980	02DD14B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
3	2213360332	Cao Thị	Dung	05/09/1996	02DD14D1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân	Dương	26/08/2003	02DD14D1	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc	Hoa	30/10/1992	02DD14B1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị	Huệ	24/04/2003	02DD14D1	8.0	9.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc	Hưng	30/01/2002	02DD14B1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân	Huy	01/12/1993	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng	Linh	29/09/1998	02DD14B1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
10	2213240204	Văn Thị Cẩm	Nhung	10/03/1993	02DD14D1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
11	2213180020	Châu Thị Kim	Oanh	27/10/1988	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
12	2213240110	Trần Thị Diễm	Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
13	2213240178	Đồng Đức	Tiến	10/09/1997	02DD14B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
14	2213240132	Võ Minh	Tú	08/06/1992	02DD14B1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
15	2213240003	Nguyễn Tú	Uyên	28/09/1980	02DD14B1	8.0	9.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
16	2213360055	Phạm Bá	Vinh	26/07/1993	02DD14D1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
17	2213360324	Trần Thị Cẩm	Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt